TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2018/HSST
Ngày 10-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Việt Khái - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 83/2017/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Trần Thanh H, sinh năm 1975 tại Kiên Giang. Tên gọi khác: Trần Văn H. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố 4, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và chỗ ở: Khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/9/2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

2/ Thái Thị P, sinh năm 1970 tại Bạc Liêu. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Không; chỗ ở: Khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Thái Văn H và bà Nguyễn Thị B; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam ngày 18/10/2017 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

Người bị hại:

Anh **Lê Văn T,** sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Thanh T,** sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người làm chứng:

Chị **Trương Thị Y**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2017 Lê Văn T đến nhà của Trần Thanh H và Thái Thị P ở khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. T ở nhà của H và P đồng thời nhờ H và P giới thiệu cho T để đi ghe biển, được H và P đồng ý, sau đó H và P liên hệ ghe của Nguyễn Thanh Tr và được Tr đồng ý cho T đi ghe biển của Tr. H và P ứng của T số tiền 15.000.000 đồng để trừ tiền chi phí trong quá trình T ở nhà của H và P và mua sở phí để T đi biển, số tiền còn lại khi nào T vào bờ sẽ tính. Sau khi T ra biển đến ngày 15/09/2017 T vào bờ thì H thuê phòng trọ của Phạm Thị L ở cặp nhà H để cho T ở. Sau khi thanh toán và đối trừ các khoản thì T còn thiếu lại 8.600.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ ngày 19/9/2017 H và P kêu T sang để thông báo số nợ trên thì T nói " Hai ông bà muốn tính bao nhiêu thì tính tôi trốn coi hai ông bà có tìm gặp không", rồi T bỏ về phòng trọ, lúc này H đi theo qua phòng trọ của T, H cầm cây quạt gió đánh vào đầu T 01 cái làm gãy chân quạt gió, H tiếp tục dùng khung bảo vệ cánh quạt đánh vào đầu T, lúc này có Trương Thị Y là con riêng của P can ngăn, sau đó Thái Thị P kêu H dùng ổ khóa khóa cửa bên ngoài nhốt T không cho T ra ngoài, thì H đã dùng ổ khóa khóa cửa phòng trọ lại mục đích là không cho T bỏ trốn. Khi sự việc xảy ra Trương Thị Y điện thoại báo chính quyền địa phương, qua làm việc H và P thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ tại hiện trường vụ án: 01 cây quạt gió chân cao hiệu Winnado đã bị gãy, 01 ổ khóa hiệu Zsolex, 01 chía khóa hiệu Zsolex.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Người bị hại T không yêu cầu

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Tr không yêu cầu phần tiền cho H và P ứng trước.

Tại phiên tòa, các bị cáo H và P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Không yêu cầu đối với các tác vật thu giữa của các bị cáo.

Bản cáo trạng số 84/KSĐT-KT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo H và bị cáo P về tội "Giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H và bị cáo P về tội "Giữ người trái pháp luật". Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với bị cáo Trần Thanh H áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Thái Thị P áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tang vật áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 cây quạt gió chân cao hiệu Winnado đã bị gãy, 01 ổ khóa hiệu Zsolex, 01 chìa khóa hiệu Zsolex.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H và bị cáo P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 17 giờ ngày 19/9/2017 tại phòng trọ của bà Phạm Thị L ở khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau, do Lê Văn T đến nhờ H và P giới thiệu đi ghe biển, nên H và P đã gới thiệu cho T đi ghe biển của Nguyễn Thanh Tr, rồi H và P đã ứng của Tr số tiền 15.000.000 đồng để mua sở phí và chi phí khác cho T ra biển, sau khi T ra biển đến ngày 15/9/2017 thì T vào bờ, lúc này H và P tính

số tiền trừ lại thì T còn thiếu lại Tr số tiền là 8.600.000 đồng, thì T nói " Hai ông bà muốn tính bao nhiêu thì tính để tôi bỏ trốn hai ông bà tìm gặp tôi không" rồi T bỏ về phòng trọ thì H đi theo qua phòng trọ dùng quạt gió đánh vào đầu T 01 cái làm quạt gió bị gãy và H dùng khung bảo vệ quạt gió tiếp tục đánh vào đầu T 01 cái thì được Trương Thị Y can ngăn, do sợ T bỏ trốn nên P qua kêu H dùng ổ khóa khóa cửa phòng lại không cho T đi ra ngoài, thì H dùng ổ khóa khóa cửa phòng trọ nhốt T lại, đến khi chính quyền địa phương đến thì H mới mở ổ khóa cho T ra ngoài. Trước trong và sau khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo gây ra.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá các chứng cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thanh H và bị cáo Thái Thị P đã phạm tội "Giữ người trái pháp luật", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo H và bị cáo P về tội "Giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án này không có tổ chức bởi bị cáo H và bị cáo P sợ T bỏ trốn không lấy lại được số tiền, nên lúc P nói lấy ổ khóa khóa cửa nhốt T lại thì H thực hiện ngay, không có sự cấu kết và chỉ đạo chặt chẽ, do đó là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo thực hiện việc phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị ở địa phương, làm cho người dân trong khu vực hoang mang lo sợ. Các bị cáo cũng biết được quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của mỗi người luôn được pháp luật bảo vệ, các bị cáo coi thường pháp luật và không tôn trọng quyền tự do của người khác, nên đã dùng vũ lực đánh và nhốt Lê Văn T trong phòng trọ, mục đích của các bị cáo là không cho người bị hại T bỏ trốn, chờ đi ghe khác để lấy tiền trả lại phần nợ còn thiếu cho ông Tr. Do đó cần xử lý nghiêm đối với hành vi của các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, ngoài ra còn đảm bảo công tác phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện ở việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị

cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy các điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng và việc xử phạt bị cáo Trần Thanh H mức án từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Thái Thị P mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù là phù hợp, nên cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền của ông Tr đã cho bị cáo P và bị cáo H ứng số tiền là 15.000.000 đồng, đây là giao dịch dân sự giữa P, H với ông Tr, tại biên bản ghi lời khai bút lục số 119 ông Tr không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xét thấy các tang vật gồm 01 cây quạt gió chân cao hiệu Winnado đã bị gãy, 01 ổ khóa hiệu Zsolex, 01 chía khóa hiệu Zsolex là công cụ dùng để thực hiện việc phạm tội của các bị cáo và không còn tính năng sử dụng, nên tịch thu và tiêu hủy

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 98, Điều 99 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Thanh H (Trần Văn H) và bị cáo Thái Thị P phạm tội "Giữ người trái pháp luật".

Áp dụng: khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh H (Trần Văn H)**: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 21/9/2017.

Xử phạt bị cáo **Thái Thị P**: 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 18/10/2017.

2. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy 01 cây quạt gió chân cao hiệu Winnado đã bị gãy, 01 ổ khóa hiệu Zsolex, 01 chía khóa hiệu Zsolex.

Tất cả các tang vật trên hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thanh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Thái Thị P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau.
- Bị cáo;
- VKSND huyện T;
- CQĐT Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỪ THANH NHUNG